

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2020
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Lãm;

Ông Lê Hùng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Danh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Dương T, sinh năm 1994. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1993. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-12-2019 và trong quá trình làm việc, nguyên đơn - anh Nguyễn Dương T đã khai: Anh T và chị Nguyễn Thị Kim Q tự nguyện chung sống vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 80 ngày 22 tháng 10 năm 2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Q đi làm công nhân, nhưng thường xuyên đi làm về trễ, không chăm sóc gia đình và thay đổi tính tình nên vợ chồng thường xuyên gây gổ; từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc

nên ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên anh T yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim Q.

- Về con chung: Anh T và chị Q có một con chung tên là Nguyễn Trọng K, sinh ngày 29/11/2011; hiện cháu K đi học và ăn uống tại nhà anh T, tuy nhiên đến tối thì cháu K về nhà ông bà ngoại để ngủ. Khi ly hôn, anh T yêu cầu nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh T và chị Q không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T cam kết anh T và chị Q không có nợ chung ai.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Kim Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo qui định của pháp luật nhưng chị Q vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không ghi lời khai, không tiến hành hòa giải được, đã tiến hành tổng đạt hợp lệ chị Q đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng chị Q vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng. **Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng pháp luật.** Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Nguyễn Dương T đối với chị Nguyễn Thị Kim Q.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo qui định của pháp luật, chị Q không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Dương T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân giữa anh T và chị Nguyễn Thị Kim Q, chị Q có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo qui định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, chị Q đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng chị Q vắng mặt không có lý do nên áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Q. Chị Q phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ và không thực hiện nghĩa vụ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo qui định tại

các Điều 6, Điều 72 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. **Anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt anh T.**

[2] Về hôn nhân: Giữa anh Nguyễn Dương T và chị Nguyễn Thị Kim Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 80 ngày 22 tháng 10 năm 2013 là hôn nhân hợp pháp. Anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là chị Q thay đổi tính tình nên cuộc sống vợ thường xuyên gây gổ, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay, lời trình bày của anh T phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập được. Mặt khác, Tòa án triệu tập hòa giải nhưng chị Q không đến cho thấy chị Q không có thiện chí hàn gắn. Xét thấy, hôn nhân giữa anh T và chị Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T theo qui định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Anh T và chị Q có một con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 29/11/2011; hiện tại việc học tập và ăn uống của cháu K do anh T quan tâm, chăm sóc, nhưng đến tối thì cháu K có về nhà ông bà ngoại gần đó ngủ. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Xét thấy từ ngày ly thân, anh T đã nuôi con tốt, bảo đảm nhu cầu vật chất, tinh thần cho con chung và cháu K có nguyện vọng sống với anh T nên giao cháu K cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp theo qui định Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị Q không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Dương T đối với chị Nguyễn Thị Kim Q. Anh T được ly hôn với chị Q.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 29/11/2011 cho anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh T không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được cản trở chị Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Dương T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: **0014040 ngày 24/12/2019** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Chị Nguyễn Thị Kim Q không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Nguyễn Dương T và chị Nguyễn Thị Kim Q có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Nhàn